

KQ/250013506
 No.: NA251009-23KT01-03

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Lả, Ấp Bình Linh, Xã Chà Lả, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT01	KT02	KT03	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	3.720	5.520	6.120	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	81,5	84,5	79,6	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,43	0,39	0,45	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT01: Dòng khí thải số 01: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 1.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249002.96, Y = 576702.38);
- KT02: Dòng khí thải số 02: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 02 và nguồn số 03.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249004.56, Y = 576700.62);
- KT03: Dòng khí thải số 03: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 04 và nguồn số 05.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249036.33, Y = 576669.05).

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013507

No.: NA251009-23KT04-06

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT04	KT05	KT06	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	3.720	5.460	5.160	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	82,1	83,5	0,82	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,46	0,45	KPH	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT04: Dòng khí thải số 04: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 06.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249037.92, Y = 576667.44);
- KT05: Dòng khí thải số 05: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 07 và nguồn số 08.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249086.64, Y = 576716.55);
- KT06: Dòng khí thải số 06: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 09 và nguồn số 10.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249054.47, Y = 576748.31).

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013508

No.: NA251009-23KT07-09

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT07	KT08	KT09	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	3.780	5.520	5.220	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,77	0,76	0,82	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT07: Dòng khí thải số 07: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 11.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248934.09, Y = 576634.79)
- KT08: Dòng khí thải số 08: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 12 và nguồn số 13.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248935.54, Y = 576633.91)
- KT09: Dòng khí thải số 09: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 14 và nguồn số 15.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248971.56, Y = 576597.92)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013509
 No.: NA251009-23KT10-12

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT10	KT11	KT12	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	4.920	4.380	3.780	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,80	0,87	0,86	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT10: Dòng khí thải số 10: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 16.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248973.30, Y = 576597.03)
- KT11: Dòng khí thải số 11: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 17 và nguồn số 18.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249020.99, Y = 576646.91)
- KT12: Dòng khí thải số 12: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 19 và nguồn số 20.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248988.03, Y = 576680.44)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013510
 No.: NA251009-23KT13-15

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT13	KT14	KT15	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	7.320	8.700	4.980	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,32	0,32	0,30	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	119	123	119	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,10	0,084	0,097	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KT13: Dòng khí thải số 13: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 21, nguồn số 22, nguồn số 23.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249265.20, Y = 576643.17)
- KT14: Dòng khí thải số 14: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 24, nguồn số 25.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249266.65, Y = 576644.33)
- KT15: Dòng khí thải số 15: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 26, nguồn số 27, nguồn số 28.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249267.68, Y = 576645.65)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013511

No.: NA251009-23KT16-18

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT16	KT17	KT18	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	8.700	9.480	8.160	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,31	0,28	0,33	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	114	135	116	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,083	0,10	0,087	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KT16: Dòng khí thải số 16: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 29, nguồn số 30, nguồn số 31.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249268.70, Y = 576646.86)
- KT17: Dòng khí thải số 17: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 32, nguồn số 33.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249269.72, Y = 576647.74)
- KT18: Dòng khí thải số 18: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 34, nguồn số 35.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249271.17, Y = 576648.61)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013512

No.: NA251009-23KT19-21

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT19	KT20	KT21	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	11.100	6.660	14.040	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	0,97	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	41,4	33,0	38,5	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,082	KPH	0,10	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT19: Dòng khí thải số 19: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 36, nguồn số 37, nguồn số 38.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249308.36, Y = 576685.71)
- KT20: Dòng khí thải số 20: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 39, nguồn số 40, nguồn số 41, nguồn số 42.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249328.92, Y = 576707.04)
- KT21: Dòng khí thải số 21: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 43, nguồn số 44, nguồn số 45, nguồn số 46.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249261.20, Y = 576733.27)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013513

No.: NA251009-23KT22-23

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 09/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT22	KT23	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	14.400	8.760	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	36,9	39,6	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,10	0,086	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT22: Dòng khí thải số 22: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 47, nguồn số 48, nguồn số 49. Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249244.56, Y = 576713.39)
- KT23: Dòng khí thải số 23: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 50, nguồn số 51, nguồn số 52. Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249243.25, Y = 576711.93).

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013514
 No.: NA251009-23KT24

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 01 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT24	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	3.180	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,34	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,35	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT24: Dòng khí thải số 24: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 53 và nguồn số 54.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248930.47, Y = 576532.62).

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013515
 No.: NA251009-23KT25-27

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT25	KT26	KT27	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	2.760	3.840	2.820	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,39	0,35	0,37	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,36	0,36	0,39	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT25: Dòng khí thải số 25: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 55.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248956.82, Y = 576501.05)
- KT26: Dòng khí thải số 26: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 56.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248981.04, Y = 576531.88)
- KT27: Dòng khí thải số 27: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 57.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248950.28, Y = 576564.46)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013516
 No.: NA251009-23KT28-30

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT28	KT29	KT30	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	3.900	3.240	3.480	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	74,2	78,3	78,6	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,090	0,087	0,11	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT28: Dòng khí thải số 28: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 58.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248895.43, Y = 576562.69)
- KT29: Dòng khí thải số 29: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 59.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248910.23, Y = 576548.31)
- KT30: Dòng khí thải số 30: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 60.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248916.47, Y = 576541.56)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013517
 No.: NA251009-23KT31-33

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT31	KT32	KT33	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	4.080	4.020	4.200	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	11,5	11,1	2,9	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	0,23	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT31: Dòng khí thải số 31: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 61.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248917.77, Y = 576540.23)
- KT32: Dòng khí thải số 32: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 62.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248969.16, Y = 576490.92)
- KT33: Dòng khí thải số 33: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 63.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248981.04, Y = 576531.88)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250013518

No.: NA251009-23KT34-36

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT34	KT35	KT36	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	4.500	3.060	2.460	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	3,1	3,3	0,50	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,20	0,21	0,57	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT34: Dòng khí thải số 34: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 64.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248967.98, Y = 576546.41)
- KT35: Dòng khí thải số 35: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 65.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248959.71, Y = 576554.34)
- KT36: Dòng khí thải số 36: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 66.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248959.71, Y = 576554.34)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy



Hoàng Hoài

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250013519

No.: NA251009-23KT37-39

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT37	KT38	KT39	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	2.400	2.580	3.380	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,52	0,50	0,47	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,56	0,56	0,57	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT37: Dòng khí thải số 37: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 67.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248923.72, Y = 576590.29)
- KT38: Dòng khí thải số 38: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 68.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248908.90, Y = 576538.50)
- KT39: Dòng khí thải số 39: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 69.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248846.15, Y = 576484.03)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013520
 No.: NA251009-23KT40-42

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT40	KT41	KT42	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	2.640	2.280	2.940	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,46	536	542	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,58	0,21	0,18	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT40: Dòng khí thải số 40: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 70.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248858.78, Y = 576471.26)
- KT41: Dòng khí thải số 41: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 71.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248869.80, Y = 576459.52)
- KT42: Dòng khí thải số 42: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 72.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248882.29, Y = 576447.77)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013521

No.: NA251009-23KT43-45

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT43	KT44	KT45	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	2.760	3.240	2.940	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	560	39,5	39,2	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,18	0,070	0,077	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT43: Dòng khí thải số 43: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 73. Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248894.48, Y = 576435)
- KT44: Dòng khí thải số 44: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 74. Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248922.04, Y = 576461.88)
- KT45: Dòng khí thải số 45: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 75. Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248910.43, Y = 576477.14)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy


**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**
 Hoàng Hoài

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250013522
 No.: NA251009-23KT46

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**

Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam

Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam

Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải

Số lượng/ Quantity : 01 mẫu

Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 10/10/2025

Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025

Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)	QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT46	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	3.300	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,11	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	135	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,43	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KT46: Dòng khí thải số 46: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 76.
- Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248899.99, Y = 576488.29)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

KQ/250013523

No.: NA251009-23KT47-48

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 02 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 11/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)		QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT47	KT48	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	4.260	3.360	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	11,4	10,2	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,068	0,075	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT47: Dòng khí thải số 47: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 77.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248886.62, Y = 576500.29)
- KT48: Dòng khí thải số 48: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 78, nguồn số 79, nguồn số 80.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248753.33, Y=576453.62)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**

 Hoàng Hoài

KQ/250013524
 No.: NA251009-23KT49-51

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 11/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT49	KT50	KT51	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	4.560	4.680	4.380	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	0,23	0,24	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	10,1	32,0	32,0	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,068	0,18	0,18	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT49: Dòng khí thải số 49: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 81 và nguồn số 82.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248973.00, Y = 576353.04)
- KT50: Dòng khí thải số 50: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 83 và nguồn số 84.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248973.00, Y = 576353.04)
- KT51: Dòng khí thải số 51: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 85 và nguồn số 86.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249003.76, Y = 576382.40)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

KQ/250013525

No.: NA251009-23KT52-54

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 11/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT
					KT52	KT53	KT54	Giá trị giới hạn/ (Limited value)
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02C	0 ÷ 4.718.340	4.260	3.240	7.440	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,21	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	34,2	5,7	5,6	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,18	0,26	0,26	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT52: Dòng khí thải số 52: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 87.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1249008.58, Y = 576387.07)
- KT53: Dòng khí thải số 53: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 88.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248977.01, Y = 576434.74)
- KT54: Dòng khí thải số 54: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 89 và nguồn số 90.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248963.30, Y = 576421.45)

**TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)


Hoàng Hoài

KQ/250013526
 No.: NA251009-23KT55-57

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
(TEST REPORT)**


VILAS 1399

Tên khách hàng/ Customer : **CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG HUY HOÀNG**
 Địa chỉ/ Address : 14 Đường 31C, Khu phố 5, Phường Bình Trưng, TP Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Địa điểm lấy mẫu/ Sampling location : **CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM** - Đường Số 1, KCN Chà Là, Ấp Bình Linh, Xã Chà Là, Huyện Dương Minh Châu, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
 Tên mẫu/ Name of sample : Khí thải
 Số lượng/ Quantity : 03 mẫu
 Ngày lấy mẫu/ Date of sampling : 11/10/2025
 Ngày trả kết quả/ Date of result : 27/10/2025
 Mô tả mẫu/ Description : Ống hấp phụ than hoạt tính.

TT (No.)	Chỉ tiêu (Characteristic)	Đơn vị (Unit)	Phương pháp thử (Test method)	Giới hạn phát hiện (Limit of detection)	Kết quả (Result)			QCVN 20: 2009/ BTNMT Giá trị giới hạn/ (Limited value)
					KT55	KT56	KT57	
1	Lưu lượng/ Flow rate	m ³ /h	US EPA 02CC	0 ÷ 4.718.340	8.340	7.500	8.160	-
2	Cyclohexanon	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	KPH	KPH	KPH	400
3	Etyl axetat	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	2,7	2,6	11,3	1.400
4	Toluen	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,05	0,79	0,77	0,16	750

Ghi chú/Notes:

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm và tại thời điểm đo/ Test results are valid for the analysis sample only and at the time of measurement;
- Mẫu được lưu 7 ngày, kể từ ngày trả kết quả/ Sample is stored 7 days after released the test results;
- QCVN 20: 2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ/ National Technical Regulation on Industrial Emission of Organic Substances;
- (-): Không quy định/ No specified;
- KPH: Không phát hiện/ Not detected;
- KT55: Dòng khí thải số 55: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 91 và nguồn số 92.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248963.30, Y = 576421.45)
- KT56: Dòng khí thải số 56: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 93 và nguồn số 94.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248935.89, Y = 576393.55)
- KT57: Dòng khí thải số 57: tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải của nguồn số 95 và nguồn số 96.
Tọa độ vị trí xả khí thải: (X = 1248935.89, Y = 576393.55)

**TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM
(HEAD OF TESTING LAB)**


Nguyễn Tuấn Huy

**TỔNG GIÁM ĐỐC
(GENERAL DIRECTOR)**


Hoàng Hoài

Địa chỉ: Lô II-1, Đường số 1, Nhóm CN2, Khu công nghiệp Tân Bình, Phường Tây Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hotline: 08 4422 7879

Email: info@navitekjsc.com

Website: www.navitekjsc.com

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Số: 9829/12-25

Mã mẫu: 2512KT945-2512KT946 (338/12-25) Trang: 1/1

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY TNHH POU HUNG VIỆT NAM
Địa chỉ lấy mẫu: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY, DÉP POU HUNG VIỆT NAM
Đường số 1, KCN Chà Là, khu phố Bình Linh, Phường Ninh Thạnh, Tỉnh Tây Ninh, Việt Nam
Ngày lấy (nhận) mẫu: 13/12/2025 **Ngày trả kết quả**: 22/12/2025
Thời gian lưu mẫu: Không lưu
Loại mẫu: Khí thải
Điều kiện lấy mẫu: Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu/vị trí lấy mẫu: **KT1** Dòng thải số 58 - Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 01 công suất 10 tấn hơi/h của nguồn số 97
KT2 Dòng thải số 59 - Tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải lò hơi 02 công suất 08 tấn hơi/h của nguồn số 98

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả		QCVN 19:2009/BTNMT Cột B, Kp=0,8, Kv=1
				KT1	KT2	
1	Lưu lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	18.226	17.104	-
2	Bụi tổng (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	103,5	98,1	160
3	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	<3	<3	400
4	NO _x (tính theo NO ₂) ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	84	25	680
5	CO ^(a)	mg/Nm ³	SOP-HT.KT 06	407	167	800

Ghi chú:

KPH: Không phát hiện (<MDL)

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

(a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận

(b): Thông số đã được ISO/IEC 17025:2017 công nhận

(c): Thông số gửi nhà thầu phụ

PHÒNG THỬ NGHIỆM
Trưởng phòng

HOÀNG VĂN NAM

KT GIÁM ĐỐC
Phó Giám đốc



HOÀNG VĂN TÍN